

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2595** /SYT-TCCB  
V/v đăng ký thi thăng hạng  
chức danh nghề nghiệp viên chức  
chuyên ngành y tế năm 2019

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong ngành

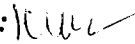
Căn cứ Công văn số 4203/BYT-TCCB ngày 23/7/2019 của Bộ Y tế về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2019, Sở Y tế triển khai tới các đơn vị trong ngành một số nội dung sau.

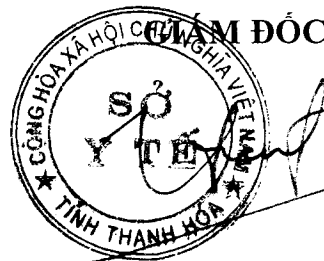
1. Đối tượng dự thi; tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi; hồ sơ đăng ký dự thi: Thực hiện theo Công văn số 4203/BYT-TCCB ngày 23/7/2019 của Bộ Y tế (**Công văn gửi kèm theo**).

2. Cử viên chức dự thi thăng hạng.

Đơn vị có nhu cầu cử viên chức dự thi thăng hạng lập hồ sơ và danh sách (**theo các biểu mẫu gửi kèm**) về Sở Y tế (qua phòng Tổ chức cán bộ) chậm nhất ngày **15/10/2019** để tập hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; file mềm gửi về địa chỉ email: [phucnv.tccb@gmail.com](mailto:phucnv.tccb@gmail.com). Quá thời hạn nói trên, đơn vị không gửi báo cáo coi như không có nhu cầu. (**Lưu ý mỗi cá nhân làm 02 bộ hồ sơ**).

Nhận được công văn này, đề nghị thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc liên hệ với phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế để được giải đáp./.

Nơi nhận:   
- Như trên;  
- Lưu TCCB, VT.

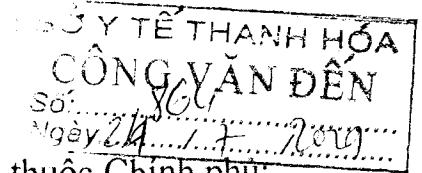


Trịnh Hữu Hùng

Số: 4203 /BYT-TCCB

V/v tổ chức thi thăng hạng  
chức danh nghề nghiệp viên chức  
chuyên ngành y tế năm 2019

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2019



Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ

Triển khai thực hiện Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 161/2018/NĐ-CP); Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV); Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế, Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung cụ thể trong việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I và từ hạng III lên hạng II năm 2019, cụ thể như sau:

## **I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI**

### **1. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng II lên hạng I**

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) lên bác sĩ cao cấp (hạng I):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 lên bác sĩ cao cấp (hạng I) mã số V.08.01.01 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) lên Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 lên Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) mã số V.08.02.04 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

c) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ chính (hạng II) lên dược sĩ cao cấp (hạng I):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 lên dược sĩ cao cấp (hạng I) mã số V.08.08.20 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng dược sĩ cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV.

## **2. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II**

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) lên bác sĩ chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03 lên bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ y học dự phòng (hạng III) lên Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) mã số V.08.02.06 lên Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính)

phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) mã số V.08.02.06 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

c) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng (hạng III) lên y tế công cộng chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng (hạng III) mã số V.08.04.10 lên y tế công cộng chính (hạng II) mã số V.08.04.09 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng y tế công cộng chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp y tế công cộng (hạng III) mã số V.08.04.10 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV.

d) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) lên dược sĩ chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 lên dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng dược sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV.

e) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật y hạng III lên kỹ thuật y hạng II:

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật y hạng III mã số V.08.07.18 lên kỹ thuật y hạng II mã số V.08.07.17 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III mã số V.08.07.18 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.

g) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ điều dưỡng hạng III lên điều dưỡng hạng II:

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12 lên điều dưỡng hạng II mã số V.08.05.11 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.

## **II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

Viên chức được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
2. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự thi.
3. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng viên chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian ba năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.
4. Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng:
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II), mã số V.08.01.02 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp hạng I.
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II), mã số V.08.02.05 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp hạng I.
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II), mã số V.08.08.21 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp hạng I.
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính hạng II.
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng (hạng III), mã số V.08.02.06 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính hạng II.
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp y tế công cộng (hạng III), mã số V.08.04.10 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính hạng II.
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III), mã số V.08.08.22 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính hạng II.
  - Đang giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (hạng III), mã số V.08.05.12 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II.

- Đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y (hạng III), mã số V.08.07.18 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II.

5. Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng.

6. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi:

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ cao cấp hạng I.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng cao cấp hạng I.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng dược sĩ cao cấp hạng I.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng y tế công cộng chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng dược sĩ chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng kỹ thuật y hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng điều dưỡng hạng II.

7. Lưu ý: đơn vị chỉ cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế đối với những viên chức đã có hoặc đang học chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

### **III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI**

#### **1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi**

- Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu số 1);

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc sử dụng viên chức (theo mẫu số 2);

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức theo các tiêu chí phân loại đánh giá viên chức ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ quy định tại Điều 26, Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức (theo mẫu số 3);

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của viên chức theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Bản sao các quyết định, biên bản nghiệm thu đề án, đề tài, hoặc sáng chế hoặc phát minh khoa học đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

## **2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng**

a) Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi; lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của viên chức tham dự kỳ thi theo quy định của pháp luật.

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử viên chức dự thi thăng hạng và viên chức dự thi thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi thăng hạng. Mọi gian dối, khai man, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ dự thi thăng hạng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN THI**

### **1. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng II lên hạng I**

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Tự luận.

- Thời gian thi: 180 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của viên chức về quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; định hướng chiến lược phát triển của ngành, lĩnh vực và hiểu

biết về pháp luật chuyên ngành; áp dụng vào thực tiễn để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của ngành, lĩnh vực phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I (60% nội dung thi) và hiểu biết pháp luật viên chức (40% nội dung thi).

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: viết và trình bày, bảo vệ đề án hoặc xây dựng quy trình chuyên môn, kỹ thuật và trình bày, bảo vệ quy trình chuyên môn, kỹ thuật.

- Thời gian thi:

Viết đề án hoặc xây dựng quy trình chuyên môn, kỹ thuật: 8 giờ (480 phút);

Trình bày và bảo vệ đề án hoặc quy trình chuyên môn, kỹ thuật: 30 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực và kỹ năng xây dựng đề án, trình bày và bảo vệ các nội dung đề án, giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp hạng I.

c) Môn thi ngoại ngữ

- Hình thức thi: viết và phỏng vấn.

- Thời gian thi: viết là 90 phút và phỏng vấn (hội thoại) là 15 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra các kỹ năng: đọc hiểu, viết, nghe và nghe nói (hội thoại) ở bậc 4 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I.

d) Môn thi tin học:

- Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet.

## **2. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II**

a) Môn thi kiến thức chung.

- Hình thức thi: Tự luận. Thời gian thi: 180 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của viên chức về định hướng chiến lược phát triển của ngành và hiểu biết về pháp luật chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II (với 60% nội dung thi) và hiểu biết pháp luật viên chức (với 40% nội dung thi).

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc thực hành do Hội đồng thi quyết định.

- Thời gian thi: trắc nghiệm 45 phút hoặc thực hành 30 phút.



- Nội dung thi: kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực, đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp hạng II.

c) Môn thi ngoại ngữ

- Hình thức thi: viết.

- Thời gian thi: 90 phút.

c) Nội dung thi: kiểm tra các kỹ năng: đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II.

d) Môn thi tin học

- Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet.

## **V. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

### **1. Miễn thi môn ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:**

- Viên chức tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ;

- Viên chức tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài.

- Đối với viên chức dự thi kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được miễn thi ngoại ngữ nếu đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc viên chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

### **2. Miễn thi môn tin học:**

Miễn thi môn tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

## **VI. VỀ TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

*1. Về việc tính tương đương trình độ ngoại ngữ đối với viên chức dự thi thăng hạng từ hạng II lên hạng I:*

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ

thạc sĩ; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 về việc quy định chứng chỉ ngoại ngữ (sau đây viết tắt là Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT).

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT, trước khi bảo vệ luận án phải có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp B2 hoặc bậc 4 trở lên theo khung Châu Âu).

*2. Về việc tính tương đương trình độ ngoại ngữ đối với viên chức dự thi thăng hạng từ hạng III lên hạng II:*

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT.

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tính từ ngày 15/4/2011 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trước khi bảo vệ luận án phải có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp B1 hoặc bậc 3 trở lên theo khung Châu Âu).

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây;

*3. Về việc tính tương đương trình độ tin học*

Có chứng chỉ tin học với trình độ tương đương trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Việc xác định chứng chỉ tin học tương đương trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền thông tại Công văn số 3562/BTTTT-CNTT ngày 03/11/2015 và Công văn số 3656/BTTTT-CNTT ngày 15/12/2014 hướng dẫn việc quy đổi chứng chỉ tin học khi cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức.

## **VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

Viên chức trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định của pháp luật; có số điểm mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên, các bài thi được chấm theo thang điểm 100. Không bảo lưu kết quả trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2019.

## VIII. CỬ VIÊN CHỨC DỰ THI THĂNG HẠNG

### 1. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I.

a) Theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương chuyên viên cao cấp.

b) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành, địa phương báo cáo cụ thể về:

- Danh mục, số lượng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*theo mẫu số 4a*).

- Số lượng viên chức bác sĩ cao cấp/bác sĩ y học dự phòng cao cấp/dược sĩ cao cấp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm (*theo mẫu số 5a*);

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí việc làm theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế hạng I của các chức danh bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, dược sĩ (*theo mẫu số 6a*);

c) Căn cứ đề nghị số lượng viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Y tế xây dựng Đề án và tổ chức thi thăng hạng theo quy định của pháp luật.

d) Văn bản cử viên chức dự thi, các biểu mẫu, danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I (*theo mẫu số 4a, 5a, 6a*) của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của các Bộ, ngành, địa phương phải do người đứng đầu đơn vị, lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký gửi Bộ Y tế.

e) Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các đơn vị, Bộ, ngành, địa phương gửi kèm theo bản sáo (được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ miễn thi bài thi ngoại ngữ, tin học để Bộ Y tế thẩm định.

## **2. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II.**

### *2.1. Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ*

a) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ báo cáo Bộ Y tế cụ thể về:

- Danh mục, số lượng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*theo mẫu số 4b*).

- Số lượng viên chức hạng II của các chức danh bác sĩ/bác sĩ y học dự phòng/y tế công cộng/được sĩ/điều dưỡng/kỹ thuật y còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm (*theo mẫu số 5b*);

b) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ có trách nhiệm thông báo công khai trong toàn đơn vị về kế hoạch tổ chức thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II của các chức danh bác sĩ/bác sĩ y học dự phòng/y tế công cộng/được sĩ/điều dưỡng/kỹ thuật y để viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi.

c) Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

d) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ xem xét, cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi; chịu trách nhiệm về lý lịch, phẩm chất đạo đức, văn bằng, chứng chỉ, thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp, việc đã chủ trì xây dựng đề án, đề tài hoặc sáng chế hoặc phát minh khoa học và các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của chức danh nghề nghiệp hạng II. Lưu giữ và quản lý hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

Văn bản cử viên chức dự thi và các biểu mẫu, danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ (*theo mẫu số 4b, 5b, 6b*) gửi về Bộ Y tế phải do người đứng đầu đơn vị ký.

e) Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các đơn vị sự nghiệp trực thuộc gửi kèm theo bản sao (được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ miễn thi bài thi ngoại ngữ, tin học để Bộ Y tế thẩm định.

### *2.2. Đối với các Bộ, ngành, địa phương*

a) Theo quy định tại điểm 2 khoản 4 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương không tổ chức thi và muốn cử viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II năm 2019 do Bộ Y tế tổ chức thi phải có văn bản cử viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi do Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký gửi Bộ Y tế. Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử dự thi lập theo *Mẫu số 6b* gửi kèm công văn này, Bộ Y tế sẽ xây dựng Đề án gửi Bộ Nội vụ thống nhất trước khi tổ chức kỳ thi.

c) Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương gửi kèm theo bản sao (được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ miễn thi bài thi ngoại ngữ, tin học để Bộ Y tế thẩm định.

### 3. Thời hạn gửi văn bản cử viên chức dự thi

a) Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I năm 2019 của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị gửi về Bộ Y tế (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày **02/12/2019** (theo dấu bưu điện nơi gửi) theo địa chỉ: Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Y tế, 138A, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, file mềm gửi về địa chỉ email: [thaodtp.tccb@moh.gov.vn](mailto:thaodtp.tccb@moh.gov.vn).

c) Bộ Y tế nhận văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2019 của các đơn vị khi có đầy đủ các biểu mẫu theo yêu cầu nêu tại công văn này. Cung cấp thông tin (tên, số điện thoại, email) của chuyên viên phụ trách về danh sách, hồ sơ của viên chức đăng ký dự thi để thuận tiện phối hợp công tác.

Trong quá trình cử viên chức dự thi, nếu có vướng mắc đề nghị đơn vị phản ánh qua địa chỉ email: [thaodtp.tccb@moh.gov.vn](mailto:thaodtp.tccb@moh.gov.vn) để được hướng dẫn.

d) Quá thời hạn gửi văn bản nêu trên, Bộ Y tế không tiếp nhận văn bản cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2019.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để được nghiên cứu, giải quyết.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  
Từ ..... (hạng .....) lên ..... (hạng .....)

Kính gửi: .....  
Tên tôi là (chữ in hoa): ..... Nam (nữ): .....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
Nơi ở hiện nay: .....  
Đơn vị công tác (khoa, trường): .....  
Chức vụ: .....  
Trình độ chuyên môn cao nhất: .....  
Ngày tháng năm được tuyển dụng vào biên chế: .....  
Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: ..... mã số: .....  
Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: .....  
Hệ số lương hiện hưởng: ..... ngày tháng năm xếp: .../.../.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ ..... (hạng .....) lên ..... (hạng .....) tại Công văn số ..... ngày ..... của ..... và các văn bản hiện hành khác, tôi tự đánh giá  
.....  
.....  
.....  
.....

Tôi làm đơn này kính đề nghị ..... xem xét cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng từ ..... (hạng .....) lên ..... (hạng ..).

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tài liệu gửi kèm theo đơn này gồm có: ..... , ngày .... tháng .... năm ....

- 1. ....
- 2. ....
- 3. ....
- 4. ....
- 5. ....
- 6. ....
- .....

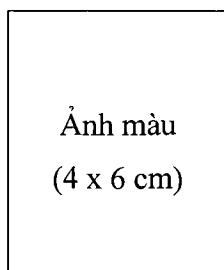
**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu SYLLVC ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên chức..... Số hiệu viên chức: .....

Cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức .....

### SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC



- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): .....
- 2) Tên gọi khác:.....
- 3) Sinh ngày: ..... tháng..... năm....., Giới tính (nam, nữ): .....
4. Nơi sinh: Xã ....., Huyện....., Tỉnh .....
- 5) Quê quán: Xã ....., Huyện....., Tỉnh .....
- 6) Dân tộc: ....., 7) Tôn giáo: .....
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
- (Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay: .....
- (Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: .....
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng: .....
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại: .....
- (Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao: .....
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức: .....Mã số: .....
- Bậc lương:..., Hệ số:..., Ngày hưởng: ...../...../..., Phụ cấp chức vụ:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào): .....
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất: .....
- (TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3- Lý luận chính trị: .....15.4- Quản lý nhà nước:.....
- (Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự)
- 15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.....
- 15.6- Ngoại ngữ: .....15.7- Tin học:.....
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: ...../...../....., Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội: .....
- (Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ: ...../...../....., Ngày xuất ngũ: ...../...../....., Quân hàm cao nhất: .....
- 19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất: .....





**29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC**

Tháng/năm									
Mã CDNN/bậc									
Hệ số lương									

**30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Người khai**  
Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây  
là đúng sự thật  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày....tháng.....năm 20.....  
**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý  
hoặc sử dụng viên chức**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC**

*(Dùng cho thi thăng hạng Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế)*

Họ và tên viên chức: .....

Đơn vị công tác: .....

**1 - Phẩm chất đạo đức:**

.....  
.....  
.....

**2 - Năng lực chuyên môn:**

.....  
.....  
.....

**3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:**

.....  
.....  
.....

**4 - Quan hệ với đồng nghiệp:**

.....  
.....  
.....

**5 - Kết quả đánh giá phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất: (2016, 2017, 2018).**

.....  
.....  
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh nghề nghiệp ....., chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) ..... tham dự kỳ thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp ..... lên chức danh nghề nghiệp ..... năm 2019

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký tên và đóng dấu)*



Tên đơn vị: .....

Mẫu số 5a

**ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ NĂM 2019**

(Kèm theo công văn số /..... ngày tháng năm 2019 của ..... ..)

TT	Chức danh	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức				Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế										
	Tổng số										

**Ghi chú:**

- (4) đề nghị ghi số lượng viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế hạng I

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: .....

Mẫu số 5b

**ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ NĂM 2019**

(Kèm theo công văn số /..... ngày tháng năm 2019 của ..... ..)

TT	Chức danh	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức				Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế										
	Tổng số										

**Ghi chú:**

- (5) đề nghị ghi số lượng viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế hạng II

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN  
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ ..... CHÍNH (HẠNG II) LÊN ..... CAO CẤP (HẠNG I) NĂM 2019**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký trình bày	Ghi chú lý do miễn thi
		Nam	Nữ					Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Nguyễn Chính Nghĩa	26.3.1962		Phó Trưởng khoa	Bệnh viện Bạch Mai	9 năm 11 tháng	V.08.01.02	Tiến sỹ y học	Bác sỹ cao cấp	UDCN TTCB	B2	đủ		x		Nam >55 tuổi

Danh sách này có: . . . . người.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019  
**Thủ trưởng đơn vị/ Bộ/ ngành/ địa phương**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú: Đề nghị Quý Đơn vị:**

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file \*.xls với phông chữ Times New Roman
- 2) Cột 3,4 đã được định dạng text, yêu cầu phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm theo mẫu; cột 6 chỉ ghi tên bệnh viện/hoặc tỉnh thành/bộ, ngành; cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến hết ngày 01/12/2019; cột 9 ghi rõ bằng tốt nghiệp thạc sỹ hoặc chuyên khoa I .
- 3) Cột 10 ghi cụ thể "bác sỹ chính/bác sỹ y học dự phòng chính/y tế công cộng chính/ điều dưỡng hạng II/ kỹ thuật y hạng II/ dược sỹ chính" , cột 13 ghi "đủ" (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu đối với tất cả các cột này);
- 4) Cột 14, 15 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (VD: Văn bằng 2, TNNN...đối với miễn thi ngoại ngữ; TC/CĐ/ĐH/ThS/TS đối với miễn thi tin học);
- 5) Cột 16 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc);
- 6) Cột 17 ghi rõ lý do miễn thi môn ngoại ngữ, tin học (có bằng cử nhân ngoại ngữ, hoặc tin học, hoặc trên 55 tuổi đối với nam, 50 tuổi đối với nữ...);

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN  
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ..... (HẠNG III) LÊN .....CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2019**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú lý do miễn thi
		Nam	Nữ					Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Nguyễn Kim Tuấn	18.10.1978		Phó Trưởng khoa	Bệnh viện Bạch Mai	10 năm, 1 tháng	V.08.01.03	Thạc sỹ y khoa	Bác sĩ chính	UDCN TTCB	Anh B1	đủ			Tiếng Anh	

Danh sách này có: . . . . người.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019  
**Thủ trưởng đơn vị/ Bộ, ngành, địa phương**  
 (Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú: Đề nghị Quý Đơn vị:**

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file \*.xls với phông chữ Times New Roman
- 2) Cột 3,4 đã được định dạng text, yêu cầu phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm theo mẫu; cột 6 chỉ ghi tên bệnh viện/hoặc tỉnh thành/bộ, ngành; cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến hết ngày 01/12/2019; cột 9 ghi rõ bằng tốt nghiệp thạc sỹ hoặc chuyên khoa I.
- 3) Cột 10 ghi cụ thể "bác sĩ chính/bác sĩ y học dự phòng chính/y tế công cộng chính/ điều dưỡng hạng II/ kỹ thuật y hạng II/ dược sĩ chính", cột 13 ghi "đủ" (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu đối với tất cả các cột này);
- 4) Cột 14, 15 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (VD: Văn bằng 2, TNNN...đối với miễn thi ngoại ngữ; TC/CĐ/ĐH/ThS/TS đối với miễn thi tin học);
- 5) Cột 16 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc);
- 6) Cột 17 ghi rõ lý do miễn thi môn ngoại ngữ, tin học (có bằng cử nhân ngoại ngữ, hoặc tin học, hoặc trên 55 tuổi đối với nam, 50 tuổi đối với nữ...);

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2749**/BNV-CCVC

V/v tổ chức thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính năm 2018

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm 2018

<b>BỘ Y TẾ</b> gửi:	
Đ	Số: <b>3239</b>
Ề	Ngày: <b>26/6/2018</b>
N	.....
Chuyển:	.....

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong thời gian vừa qua, Bộ Nội vụ nhận được văn bản của một số Bộ, ngành, địa phương phản ánh về một số vướng mắc trong việc xét duyệt hồ sơ dự thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và dự thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính. Căn cứ quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BNV), Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2017/TT-BNV) và Quyết định số 28/QĐ-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước, Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, ngành, địa phương lưu ý một số nội dung khi tổ chức thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính năm 2018 như sau:

**1. Về điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính**

a) Về tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp

Công chức có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây thì đáp ứng đủ tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ để dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp:



- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT, trước khi bảo vệ luận án phải có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp B2 hoặc bậc 4 trở lên theo khung Châu Âu);

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT) và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ (sau đây viết tắt là Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT).

b) Về tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính và viên chức hành chính dự thi thăng hạng lên chuyên viên chính

Công chức, viên chức có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây thì đáp ứng đủ tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ để dự thi nâng ngạch hoặc thi thăng hạng lên chuyên viên chính:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tính từ ngày 15/4/2011 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trước khi bảo vệ luận án phải có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp B1 hoặc bậc 3 trở lên theo khung Châu Âu);

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây;
- Có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức, viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT.

c) Về tiêu chuẩn trình độ tin học đối với công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và viên chức hành chính dự thi thăng hạng lên chuyên viên chính

Công chức, viên chức có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây thì đủ tiêu chuẩn trình độ tin học để dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc dự thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính:

- Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên;
- Có chứng chỉ tin học với trình độ tương đương trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Việc xác định chứng chỉ tin học tương đương trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3562/BTTTT-CNTT ngày 03/11/2015 và Công văn số 3656/BTTTT-CNTT ngày 15/12/2014 hướng dẫn việc quy đổi chứng chỉ tin học khi cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức.

d) Về xác định thời gian tương đương chuyên viên, chuyên viên chính

- Đối với trường hợp đang giữ ngạch chuyên viên mà trước khi được bổ nhiệm ngạch chuyên viên đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở công việc yêu cầu trình độ đại học trở lên thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đó sau khi trừ 12 tháng (tính là thời gian tập sự) được tính tương đương với thời gian giữ ngạch chuyên viên.

- Đối với trường hợp đang giữ ngạch chuyên viên chính mà trước khi được bổ nhiệm ngạch chuyên viên chính đã có thời gian xếp lương theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập, theo thang bảng lương doanh

nghiệp nhà nước hoặc lương cấp bậc hàm sĩ quan mà thời gian này được tính để làm căn cứ xếp ngạch, bậc lương ở ngạch chuyên viên chính thì thời gian đó được tính là tương đương với thời gian giữ ngạch chuyên viên chính.

## **2. Về tổ chức thi**

### **a) Đối với thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp**

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương cử công chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp năm 2018 theo yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Công văn số 1319/BNV-CCVC ngày 30/3/2018. Đối với các Bộ, ngành, địa phương đã có văn bản cử công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp năm 2018 gửi Bộ Nội vụ, đề nghị rà soát lại danh sách công chức dự thi, theo đó không cử các trường hợp chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thời gian giữ ngạch, vị trí công tác hoặc thiếu chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước, văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu về tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch dự thi quy định.

Văn bản cử công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp của các Bộ, ngành, địa phương đề nghị gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 15/7/2018 (thời hạn cuối cùng Bộ Nội vụ nhận đăng ký dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp năm 2018). Sau ngày 15/7/2018, nếu Bộ, ngành, địa phương không có văn bản thì được xem là không có nhu cầu cử công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp năm 2018.

### **b) Đối với thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính**

Để thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp tổ chức thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương rà soát nhu cầu dự thi trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; chủ động xây dựng Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính gửi Bộ Nội vụ để thống nhất trước khi Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện.

Trường hợp Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu cử số lượng công chức, viên chức dự thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính dưới 20 người mà không có điều kiện tổ chức thi riêng thì đề nghị chủ động phối hợp với Bộ, ngành, địa phương khác để tổ chức thi.

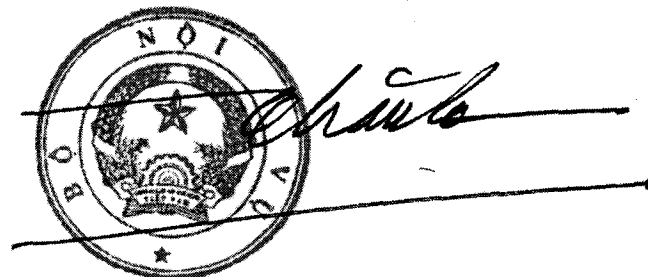
Trên đây là một số nội dung cần lưu ý trong việc tổ chức thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính năm 2018, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, thực hiện.

(Kèm theo Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 và Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 3656/BTTTT-CNTT ngày 15/12/2014 và Công văn số 3562/BTTTT-CNTT ngày 03/11/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)./s

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, CCVC (20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Duy Thăng**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3755/BGDĐT-GDĐT

V/v quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Các sở giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện Luật viên chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Nội vụ đã ban hành các Thông tư liên tịch (TTLT) quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, THCS và THPT công lập (TTLT số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, TTLT số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, TTLT số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, TTLT số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV). Trong thời gian qua, khi triển khai thực hiện các Thông tư liên tịch nêu trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được một số văn bản của các địa phương hỏi về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định về tiêu chuẩn chức danh, nghề nghiệp của cán bộ, công chức và viên chức.

Về việc này, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Về việc quy đổi đối với trình độ ngoại ngữ

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ, công chức và viên chức được quy định trong các Thông tư về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp là căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014).

Trong khi chờ xây dựng và ban hành các văn bản pháp lý để tổ chức, triển khai hoạt động của hệ thống khảo thí ngoại ngữ quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giới thiệu 10 đơn vị được tổ chức rà soát, thi, cấp giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương 6 bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tại các thông báo số 826/TB-BGDĐT ngày 05/8/2011; số 896/TB-BGDĐT ngày 24/8/2011; số 42/TB-BGDĐT 11/01/2013). Về việc xem xét mức độ tương đương của chứng chỉ tiếng Anh thực hành A, B, C ban hành theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 với Khung tham chiếu Châu Âu về ngôn ngữ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 gửi Bộ Nội vụ (văn bản kèm theo). Ngoài ra, các sở giáo dục và đào tạo cũng có thể xem xét các chứng chỉ khác như TOEFL, IELTS hoặc TOEIC... để đánh giá năng lực tiếng Anh của cán bộ, công chức và viên chức.

Việc chấp nhận chứng chỉ/chứng nhận năng lực ngoại ngữ nào và thời hạn áp dụng của chứng chỉ/chứng nhận là do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Giám đốc sở giáo dục và đào tạo (nếu được Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền) xem xét, quyết định dựa theo yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đối với vị trí công việc.

## 2. Về việc quy đổi đối với trình độ tin học

Trình độ tin học của giáo viên các cấp được quy định trong các Thông tư liên tịch về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên căn cứ quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin trong đó có quy định tại khoản 1, 2 Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp như sau:

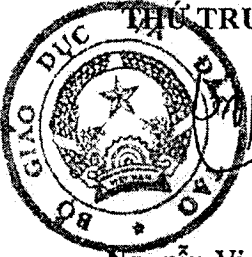
1. Đối với các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Tin học ứng dụng A, B, C) đang triển khai trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực vẫn được tiếp tục thực hiện, cấp chứng chỉ ứng dụng cho đến khi kết thúc.

2. Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản".

### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh/thành phố (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Vinh Hiền

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3562**/BT-TT-CNTT

Hà Nội, ngày **03** tháng **11** năm 2015

V/v hướng dẫn tạm thời đối với các chứng chỉ tin học được sử dụng khi tuyển dụng công chức, viên chức và nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Bộ Nội vụ đã ban hành các thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 qui định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức hành chính; Thông tư số 13/2014/TT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ và số 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư. Trong các văn bản nêu trên có quy định về trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT phù hợp theo yêu cầu Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định chi tiết liên quan tới việc cấp các chứng chỉ này theo những trình độ, cấp học phù hợp do vậy một số cơ quan, đơn vị đã gặp khó khăn, lúng túng trong triển khai các văn bản quy định về tuyển dụng và nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Bộ có văn bản hướng dẫn tạm thời việc sử dụng các chứng chỉ chỉ tin học phục vụ công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức như sau:

- Để nộp hồ sơ đăng ký tuyển dụng công chức, viên chức và nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức đề nghị tạm thời sử dụng các chứng chỉ tin học theo quy định trước đây và các văn bản nêu tại công văn số 3656/BTTTT-CNTT ngày 15/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Bộ Nội vụ (gửi kèm).

- Đối với việc tổ chức thi tuyển dụng công chức, viên chức và nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Bộ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng các quy định hướng dẫn các Bộ ngành và địa phương tổ chức thi môn Tin học theo các nội dung của

chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản được qui định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang tiến hành xem xét, công nhận một số chứng chỉ tin học trong nước và quốc tế đáp ứng với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT. Danh sách các chứng chỉ tin học đạt Chuẩn sẽ được thông báo tới Quý Bộ ngay sau khi công nhận.

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng sẽ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để ban hành các quy định chi tiết về việc tổ chức đào tạo, thi và cấp chứng chỉ đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT được qui định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng thông báo và cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ. *th*

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Thành Hưng;
- Lưu: VT, CNTT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



*Nguyễn Thành Hưng*



Số: 6089 /BGDDĐT-GDĐT

V/v: phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2014 ✓

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ về việc "quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ", Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành ban hành theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 (QĐ số 66) và Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 (khung 6 bậc) đều được xây dựng tương thích với Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Hội đồng thẩm định để xét giá trị tương đương của chứng chỉ Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C ban hành theo Quyết định số 177/QĐ.TCBT ngày 30/01/1993 (QĐ số 177) với khung CEFR.

Theo khuyến nghị của Hội đồng thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất như sau:

- (1) Trình độ A theo QĐ số 177 và trình độ A1 theo QĐ số 66 tương đương bậc 1 của Khung 6 bậc.
- (2) Trình độ B theo QĐ số 177 và trình độ A2 theo QĐ số 66 tương đương bậc 2 của Khung 6 bậc.
- (3) Trình độ C theo QĐ số 177 và trình độ B1 theo QĐ số 66 tương đương bậc 3 của Khung 6 bậc.
- (4) Trình độ B2 theo QĐ số 66 tương đương bậc 4 của Khung 6 bậc.
- (5) Trình độ C1 theo QĐ số 66 tương đương bậc 5 của Khung 6 bậc.
- (6) Trình độ C2 theo QĐ số 66 tương đương bậc 6 của Khung 6 bậc.

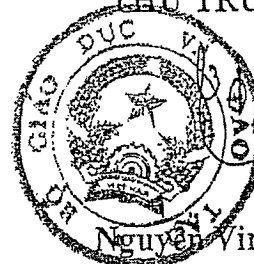
Trên đây là ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Quý Bộ Nội vụ để tham khảo, xem xét quyết định.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục KTKĐCLGD, Vụ PC (để biết);
- Lưu: VT, Vụ GDĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiền

Số: 3656/BTTTT - CNTT

V/v hướng dẫn nội dung xác nhận  
chứng chỉ tin học

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2014

BỘ NỘI VỤ	
Số: .....	Ngày 14/12/2014
<b>ĐẾN</b>	
Chuyên: <u>Vụ việc</u>	

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Phúc đáp công văn số 5156/BNV-CCVC ngày 01/12/2014 của Quý Bộ về việc hướng dẫn nội dung xác nhận chứng chỉ tin học, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT được ban hành nhằm cụ thể hóa các yêu cầu về kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành đối với mỗi cá nhân trong việc sử dụng CNTT; Đảm bảo tính nhất quán trong xây dựng chương trình, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá năng lực sử dụng CNTT. Trên cơ sở yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần đạt quy định tại Thông tư, các cơ quan, đơn vị có thể chủ động nghiên cứu, áp dụng theo mục đích và nhu cầu cụ thể của mình.

2. Về việc xác nhận chứng chỉ tin học văn phòng:

- Chương trình tin học ứng dụng A,B,C được ban hành kèm theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 3/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Gần 15 năm qua, các ứng dụng về CNTT đã thay đổi rất nhiều, trình độ sử dụng CNTT trong nước cũng được nâng cao. Do đó, chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A,B không còn phù hợp, không đạt các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

- Căn cứ Danh mục đào tạo, giáo dục cấp IV trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hợp nhất 2 Thông tư 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 và Thông tư 32/2013/TT-BGDĐT ngày 05/8/2013), Bộ Thông tin và Truyền thông cho rằng có thể công nhận những người tốt nghiệp các mã ngành đào tạo sau đây thỏa mãn các yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT (xếp theo thứ tự mã ngành từ nhỏ đến lớn):

Cao đẳng		Đại học	
Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
51140210	Sư phạm Tin học	52140210	Sư phạm Tin học
51320104	Truyền thông đa phương tiện	52320104	Truyền thông đa phương tiện
51340405	Hệ thống thông tin quản lý	52340405	Hệ thống thông tin quản lý
51340406	Công nghệ truyền thông	52340406	Công nghệ truyền thông

51480101	Khoa học máy tính	52460112	Toán ứng dụng
51480102	Truyền thông và mạng máy tính	52480101	Khoa học máy tính
51480104	Hệ thống thông tin	52480102	Truyền thông và mạng máy tính
51480201	Công nghệ thông tin	52480103	Kỹ thuật phần mềm
51480202	Tin học ứng dụng	52480104	Hệ thống thông tin
51510304	Công nghệ kỹ thuật máy tính	52480201	Công nghệ thông tin
		52510304	Công nghệ kỹ thuật máy tính
		52520214	Kỹ thuật máy tính

3. Về danh mục chứng chỉ tin học đào tạo đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT:

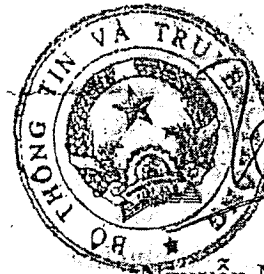
Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang chủ trì nghiên cứu, xây dựng văn bản quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, dự kiến ban hành vào đầu năm 2015. Dự thảo văn bản này sẽ được gửi xin ý kiến Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Bộ quan tâm góp ý kiến, đồng thời phối hợp triển khai áp dụng các quy định của văn bản trong việc tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng, luân chuyển, bổ nhiệm công chức, viên chức.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Bắc Sơn (để b/c);
- Lưu: VT, CNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hồng